

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 9 -2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Quang Minh

2. Ông Lò Văn Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân -Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1999; Nơi cư trú: bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn T1, sinh năm 1996; Nơi cư trú: bản L, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” cùng các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lò Thị T2 trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một năm, sau đó sống ly thân. Nguyên nhân, anh T1 không quan tâm đến vợ con, đánh chửi chị và anh thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn. Việc mâu thuẫn giữa chị và

anh **T1** đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng anh **T1** không thay đổi, chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống tại bản Co Muông, xã K, huyện P, tỉnh Lai Châu và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh **T1**, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T1**.

2. Về con chung: Chị và anh **T1** có 02 con chung là **Vàng Thu N**, sinh ngày 27/02/2018 và **Vàng Mạnh T3**, sinh ngày 10/3/2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là **Vàng Thu N** và giao con chung **Vàng Mạnh T3** cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh **T1** phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung **Vàng Thu N**.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh **Vàng Văn T1** mặc dù biết chị **T** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lò Thị T** và xem xét quyết định: Chị **T** được ly hôn với anh **T1**; giao con chung **Vàng Thu N**, sinh ngày

27/02/2018 và Vàng Mạnh T3, sinh ngày 10/3/2020 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung và chia tài sản chung do không yêu cầu nên không xem xét; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Vàng Văn T1 có nơi cư trú tại bản bản Lang 2, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 28/8/2024, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Vàng Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị T và anh T1 hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh T1 hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh T1 thường xuyên chửi mắng chị T khiến cho tình cảm giữa hai vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 và cũng không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh T1 cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết ly hôn, thông qua ý kiến của gia đình anh không nhất trí ly hôn, nếu chị T muốn ly hôn thì phải trả lại tiền làm đám cưới cho bố mẹ anh. Kết quả xác minh tại bản Lang 2, xã B thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản chưa hòa giải cho anh chị lần nào nhưng chị T hiện không chung sống cùng anh T1. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng anh T1 không đến mà không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 cũng đã kéo dài, giữa chị T và anh T1 không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị T không còn tình cảm yêu thương đối với

anh T1, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh T1, anh T1 không nhất trí ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục hòa giải chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc anh có ý kiến thông qua gia đình nếu chị T muốn ly hôn phải trả lại tiền làm đám cưới, đây là phong tục tập quán lạc hậu, không đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Vàng Thu N, sinh ngày 27/02/2018 và Vàng Mạnh T3, sinh ngày 10/3/2020. Hiện hai con chung đang ở cùng ông bà nội tại bản Lang 2, xã B, huyện P và được ông bà nội chăm sóc. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung là Vàng Thu N, sinh ngày 27/02/2018 cho đến khi con chung trưởng thành và mong muốn giao con chung Vàng Mạnh T3, sinh ngày 10/3/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung Vàng Thu N là con gái và cần sự chăm sóc trực tiếp của chị T1 nên cần giao con chung Vàng Thị N1 cho chị T1 nuôi dưỡng. Còn con chung Vàng Mạnh T3 đang ở với bố mẹ anh T1 và ý kiến của bố mẹ anh T1 muốn giao con Vàng Mạnh T3 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bố mẹ anh T1 sẽ hỗ trợ để chăm sóc cháu T3, anh T1 đang đi làm ăn, thường xuyên gọi điện về hỏi thăm và thi thoảng về thăm các con. Vì vậy, để ổn định môi trường sinh sống cũng như ý kiến của bố mẹ anh T1, ý kiến của chị T cần giao con chung Vàng Mạnh T3 cho anh T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lò Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lò Thị T** được ly hôn với anh **Vàng Văn T1**.

2. Về con chung:

Giao con chung **Vàng Thu N**, sinh ngày 27/02/2018 cho chị **Lò Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Giao con chung **Vàng Mạnh T3**, sinh ngày 10/3/2020 cho anh **Vàng Văn T1** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị **Lò Thị T** và anh **Vàng Văn T1** đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lò Thị T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị **Lò Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn **Lò Thị T**.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- Chi cục THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang, huyện Phong Thổ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Tuyết Thanh

